

## VIỆT NAM

	Ngày đáo hạn	Số ngày tới hạn	KLGD	Vị thế mở (OI)	Giá tham chiếu	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá đóng cửa	Chênh lệch với cơ sở
<b>VN30</b>					<b>928.4</b>	<b>928.3</b>	<b>931.2</b>	<b>922.1</b>	<b>923.7</b>	
<b>VN30F1903</b>	<b>21/03/2019</b>	<b>16</b>	<b>163,684</b>	<b>16,564</b>	<b>926.9</b>	<b>922.0</b>	<b>930.5</b>	<b>917.5</b>	<b>917.5</b>	<b>-6.2</b>
<b>VN30F1904</b>	<b>18/04/2019</b>	<b>44</b>	<b>512</b>	<b>217</b>	<b>924.0</b>	<b>920.8</b>	<b>927.0</b>	<b>915.7</b>	<b>915.7</b>	<b>-8.0</b>
<b>VN30F1906</b>	<b>20/06/2019</b>	<b>107</b>	<b>277</b>	<b>282</b>	<b>921.6</b>	<b>918.2</b>	<b>925.9</b>	<b>915.0</b>	<b>915.0</b>	<b>-8.7</b>
<b>VN30F1909</b>	<b>19/09/2019</b>	<b>198</b>	<b>145</b>	<b>156</b>	<b>922.0</b>	<b>919.0</b>	<b>926.0</b>	<b>914.4</b>	<b>914.4</b>	<b>-9.3</b>

## SỰ KIỆN SẮP TỚI

- 08/03/2019 VanEck Vectors® Vietnam ETF công bố danh mục MVIS® Vietnam Index
- 09/03/2019 Hợp chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương châu Âu
- 19/03/2019 Hợp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang Mỹ (FOMO)

## NHẬN ĐỊNH

Chỉ số VN30 bất ngờ quay đầu giảm trong phiên giao dịch chiều. Thị trường trở lại tâm lý thận trọng. Áp lực bán mạnh nhưng chưa phải là áp đảo, chúng tôi vẫn nhận thấy người mua chủ động tại nhóm các cổ phiếu GAS, VCB, REE, HDB,...

Nhìn bức tranh lớn của các cổ phiếu trong danh mục VN30 chúng tôi thấy các cổ phiếu HPG, CTG, VJC, TCB giao dịch ở đỉnh điểm thanh khoản (buying climax). Đây không phải là dấu hiệu tốt vì bức tranh lớn của các cổ phiếu này yếu. Động lực tăng của VN30 đến từ VCB, GAS, MSN, VRE và VIC. Các cổ phiếu còn lại như VNM, VHM, MWG, PNJ, REE, SSI VPB ít biến động hoặc không có sức ảnh hưởng lên thị trường.

Chỉ số VN30 theo góc nhìn của chúng tôi vẫn yếu xét trong xu hướng lớn. Tuy vậy, dòng tiền thị trường vẫn đủ sức tạo ra bức tranh dao động trong biên độ 50 điểm quanh mức 900. Ở góc nhìn lớn thì càng lên cao, tỷ lệ phần thưởng so với rủi ro càng kém hấp dẫn, chúng tôi nghĩ nên hạn chế đặt cược vào vị thế mua khi VN30 lên gần vùng 950 điểm.

Trong ngắn hạn, một số cổ phiếu lớn như VHM, TCB, VNM, VRE,... có thể gây sức ép. Tuy nhiên, đa số thị trường quốc tế đang trong giai đoạn ổn định và phục hồi nên chúng tôi nghĩ nhiều khả năng VN30 điều chỉnh nhẹ. Đây chưa phải thời điểm tốt để đặt cược vào vị thế bán, nhất là khi giá hợp đồng tương lai thấp hơn cơ sở tới hơn 6 điểm.

**GIÁ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH VÀ VỊ THẾ MỜ CỦA CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**

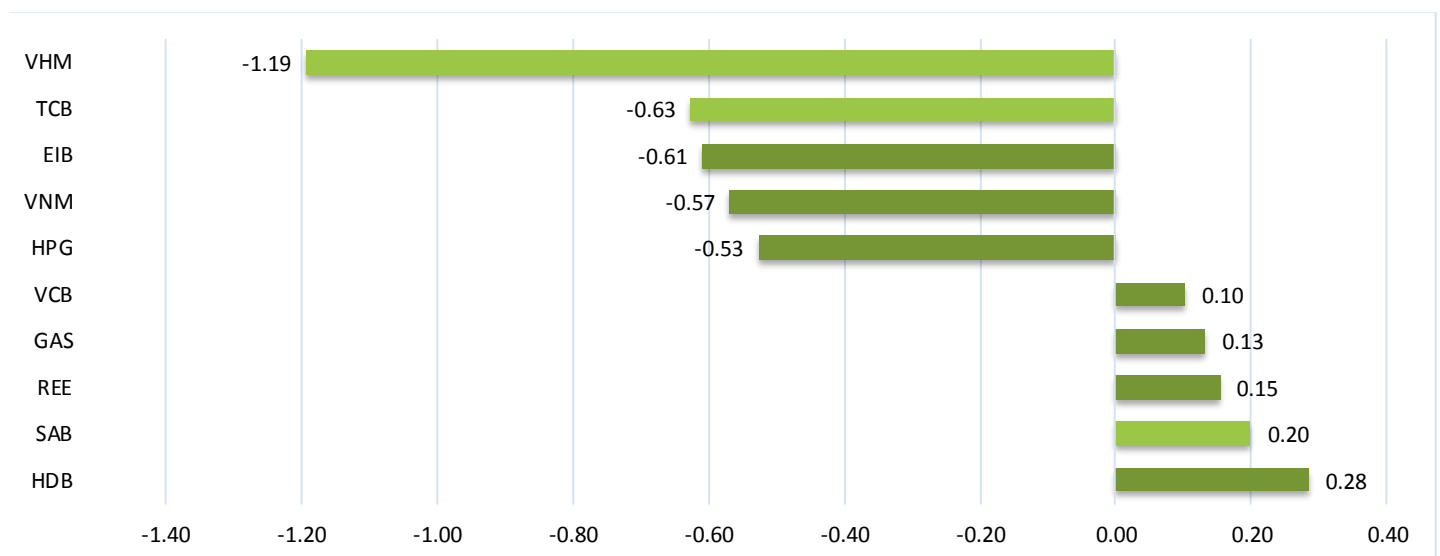
Ngày	VN30F1903	KLGD	Vị thế mờ (OI)
05/03/2019	917.5	163,684	16,564
04/03/2019	926.9	119,586	17,839
01/03/2019	910.0	153,034	16,564
28/02/2019	900.0	150,089	17,722
27/02/2019	923.0	132,041	17,867
26/02/2019	922.9	140,349	17,751
25/02/2019	937.0	114,068	15,020
22/02/2019	919.4	124,838	14,190
21/02/2019	910.8	52,284	15,343

Ngày	VN30F1904	KLGD	Vị thế mờ (OI)
05/03/2019	915.7	512	217
04/03/2019	924.0	385	236
01/03/2019	908.3	441	217
28/02/2019	900.1	512	230
27/02/2019	924.5	529	222
26/02/2019	922.1	549	196
25/02/2019	935.0	504	142
22/02/2019	918.0	522	117
00/01/1900	-	-	-

Ngày	VN30F1906	KLGD	Vị thế mờ (OI)
05/03/2019	915.0	277	282
04/03/2019	921.6	399	261
01/03/2019	908.9	358	282
28/02/2019	898.9	152	308
27/02/2019	922.6	398	309
26/02/2019	926.0	655	457
25/02/2019	933.0	795	296
22/02/2019	915.6	155	300
21/02/2019	905.0	213	292

Ngày	VN30F1909	KLGD	Vị thế mờ (OI)
05/03/2019	914.4	145	156
04/03/2019	922.0	374	168
01/03/2019	907.8	144	156
28/02/2019	896.0	32	143
27/02/2019	921.7	73	143
26/02/2019	921.4	277	149
25/02/2019	933.0	55	165
22/02/2019	918.4	93	162
21/02/2019	905.1	32	117

**CÁC CỔ PHIẾU TÁC ĐỘNG LỚN LÊN CHỈ SỐ VN30**



## QUỐC TẾ

### CÁC THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

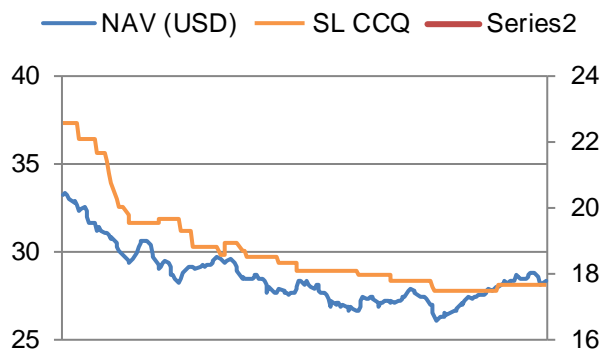
Thị trường	Chỉ số cơ sở	Giá cơ sở	Giá hợp đồng tương lai	Chênh lệch so với cơ sở	Cập nhật (giờ Hà Nội)	% Thay đổi so với phiên trước	% Thay đổi từ đầu tuần	% Thay đổi từ đầu năm
Australia	S&P/ASX 200	6,199.3	6,186.0	-13.3	5:44:50 PM	0.10	-0.10	11.24
Japan	Nikkei 225	21,726.3	21,780.0	53.7	5:33:38 PM	0.14	0.74	8.90
Korea	KOSPI 200	280.5	280.7	0.3	5:34:08 PM	0.00	-1.11	7.14
China	CSI 300	3,816.0	3,814.0	-2.0	2:00:00 PM	0.33	2.18	26.98
Hongkong	Hang Seng	28,961.6	28,912.0	-49.6	5:39:50 PM	0.08	0.63	11.83
Malaysia	KLCI	1,685.6	1,681.0	-4.6	4:30:00 PM	-0.33	-1.00	-0.68
Thailand	Set 50	1,089.4	1,085.0	-4.4	5:15:57 PM	0.09	-0.26	4.03
Singapore	Straits Times	3,234.1	3,229.0	-5.1	05/03/2019	-0.52	0.40	5.14
India	Nifty 50	10,987.5	11,031.0	43.5	5:03:22 PM	1.04	1.04	1.05
South Africa	FTSE/JSE Top 40	49,808.9	49,722.0	-86.8	5:39:49 PM	-0.18	-0.10	5.66
Italy	FTSE/MIB	20,742.9	20,740.0	-2.9	5:39:37 PM	0.12	0.18	13.92
France	CAC 40	5,286.6	5,284.5	-2.1	5:39:50 PM	0.00	0.41	11.76
German	DAX 30	11,592.0	11,588.0	-4.0	5:39:59 PM	-0.09	-0.10	9.72
UK	FTSE 100	7,158.2	7,140.5	-17.7	5:45:00 PM	0.30	0.75	7.23
Brazil	Ibovespa	94,603.8	95,192.0	588.3	01/03/2019	-1.01	0.00	7.54
Canada	S&P/TSE Composite	16,038.1	16,015.0	-23.1	04/03/2019	-0.18	-0.18	12.07
Mexico	Mexican IPC	42,418.5	42,635.0	216.5	04/03/2019	-0.21	-0.22	2.05
US	Dow Jones	25,819.7	25,854.0	34.3	5:44:59 PM	0.15	-0.68	11.11

Nguồn: Bloomberg 05/03/2019

**CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỈ SỐ (ETFs)**

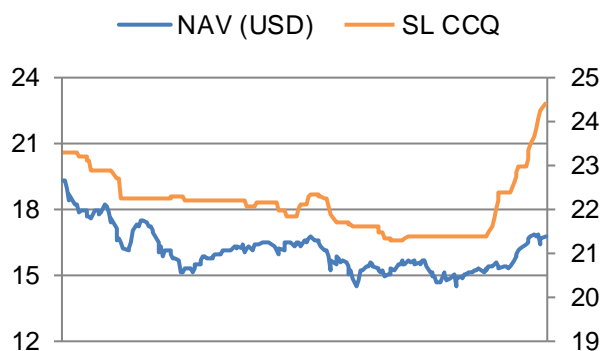
**ISHARES MSCI Frontier 100 (FM)**

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	499.636	
Số lượng chứng chỉ quỹ	17,650,000	0
Giá trị tài sản ròng, NAV (USD)	28.310	0.71%
Cập nhật	04/03/2019	



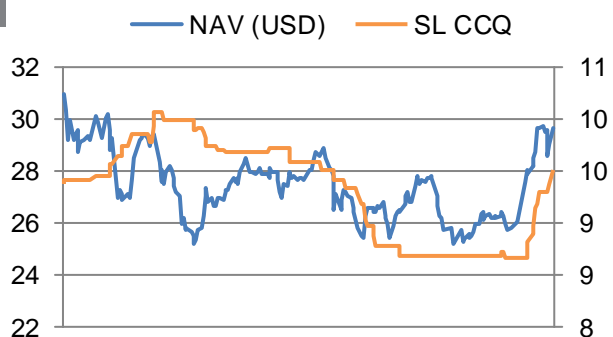
**VanEck Vectors Vietnam ETF (VNM)**

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	409.633	
SL CCQ	24,450,000	200,000
NAV (USD)	16.754	0.76%
Cập nhật	04/03/2019	



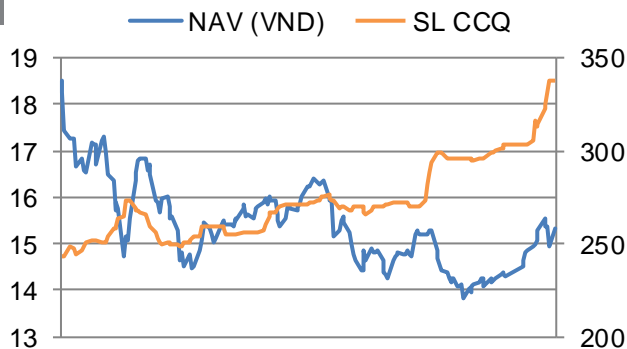
**Xtrackers FTSE Vietnam UCITS ETF (XFVT)**

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	318.749	
SL CCQ	9,498,000	135,000
NAV (USD)	29.643	2.09%
Cập nhật	04/03/2019	



**VFMVN30 ETF Fund (E1VFN30)**

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Tỷ VNĐ)	5,179	
SL CCQ	337,500,000	-300,000
NAV (VNĐ)	15,346	2.57%
Cập nhật	04/03/2019	



Nguồn: Bloomberg

**DANH MỤC CHỈ SỐ VN30**

STT	CP	Ngành	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (Tỷ VNĐ)	Giá đóng cửa (Nghìn VNĐ)	Tăng/giảm (%)	GTGD (Tỷ đồng)	Mua/bán ròng NĐTNN (Tỷ đồng)	Room còn lại cho NĐTNN (%)	P/E	P/B
1	CI	Xây dựng và Vật liệu	0.6	5,672.6	22.9	-1.7	62.0	-0.78	18.5	68.6	1.1
2	CTD	Xây dựng và Vật liệu	0.8	10,196.6	133.5	-0.5	25.3	8.60	2.5	20.9	1.3
3	CTG	Ngân hàng	1.2	79,122.3	21.3	0.2	170.2	0.00	0.6	14.6	1.2
4	DHG	Y tế	0.6	15,506.5	118.6	-0.3	29.2	-7.06	54.9	26.7	4.9
5	DPM	Hóa chất	0.5	8,139.8	20.8	1.7	11.0	1.88	26.1	13.4	1.0
6	EIB	Ngân hàng	2.5	21,330.7	17.4	-2.5	3.4	-0.14	0.1	32.3	1.4
7	FPT	Công nghệ thông tin	3.1	27,548.6	44.9	-0.2	37.1	0.00	0.0	11.5	2.2
8	GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.5	199,050.8	104.0	1.0	91.0	-2.72	45.5	16.7	4.4
9	GMD	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	1.0	8,224.8	27.7	-1.4	13.0	0.00	0.0	4.5	1.4
10	HDB	Ngân hàng	3.1	30,116.7	30.7	1.0	39.9	1.63	3.8	10.6	1.9
11	HPG	Tài nguyên Cơ bản	6.7	74,442.9	35.1	-0.8	200.4	52.55	9.3	8.7	1.8
12	MBB	Ngân hàng	3.9	47,854.0	22.2	0.0	106.3	0.00	0.0	7.8	1.5
13	MSN	Thực phẩm và đồ uống	7.0	103,985.6	89.4	-0.1	69.5	1.02	6.8	19.5	3.5
14	MWG	Bán lẻ	3.8	38,906.5	87.8	-1.3	62.8	0.00	0.0	13.1	4.3
15	NVL	Bất động sản	2.9	54,710.3	58.8	-1.2	31.7	15.40	31.7	17.0	2.8
16	PNJ	Trang sức	2.0	16,716.9	100.1	-0.8	32.4	0.00	0.0	17.0	4.5
17	REE	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	0.9	10,464.2	33.8	2.0	27.1	-0.01	0.0	5.9	1.1
18	ROS	Xây dựng và Vật liệu	0.9	19,156.4	33.8	-0.9	171.1	2.12	46.7	89.7	3.3
19	SAB	Thực phẩm và đồ uống	3.5	156,152.0	243.5	0.6	2.5	0.11	90.2	38.4	10.4
20	SBT	Thực phẩm và đồ uống	0.8	10,240.2	19.5	-1.5	30.3	1.46	88.4	38.4	1.9
21	SSI	Dịch vụ tài chính	1.3	14,664.1	28.8	-0.3	56.5	34.02	40.7	11.0	1.6
22	STB	Ngân hàng	3.2	22,906.4	12.7	-0.4	60.3	1.30	9.6	12.8	0.9
23	TCB	Ngân hàng	9.1	93,708.7	26.8	-0.7	87.0	0.00	0.0	10.8	1.8
24	VCB	Ngân hàng	3.5	233,659.3	63.0	0.3	99.5	-46.60	6.5	15.5	3.6
25	VHM	Thực phẩm và đồ uống	5.3	304,805.8	91.0	-2.4	105.8	-9.75	33.6	20.0	7.1
26	VIC	Bất động sản	7.9	374,377.2	117.3	-0.1	83.0	-23.71	31.8	104.2	6.6
27	VJC	Du lịch & Giải trí	4.8	64,993.4	120.0	-0.7	129.0	-27.88	8.0	12.5	4.7
28	VNM	Thực phẩm và đồ uống	9.7	247,279.9	142.0	-0.6	75.8	-7.71	40.4	26.8	9.6
29	VPB	Ngân hàng	5.5	52,574.4	21.4	0.0	78.0	0.00	0.0	7.2	1.5
30	VRE	Bất động sản	2.5	79,645.6	34.2	-0.4	71.3	23.77	17.1	33.1	2.8

Nguồn: Bloomberg

05/03/2019

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

## VNDIRECT TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ

---

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn](mailto:Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn)

Website: <http://vndirect.com.vn>